

NỘI DUNG GHI BÀI TUẦN 10

TUẦN 10

Tiết 37: Văn bản

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

***Chú ý:** Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 105, 106, 107 và thực hiện các yêu cầu:

*** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác phẩm**

+ Thế nào là văn bản nhật dụng? Tính nhật dụng của văn bản biểu hiện ở chỗ nào?

+ Bố cục văn bản gồm mấy phần? Nội dung từng phần?

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản**

+ Hãy cho biết nguyên nhân ra đời bản thông điệp “Thông tin về ngày trái đất năm 2000”?

+ Dùng bao ni lông có nhiều cái lợi (nhẹ, gọn, tiện...). Nhưng tác hại của nó vô cùng ghê gớm. Đặc tính nổi bật nào của bao bì ni lông gây nhiều tác hại?

+ Vậy cái hại của bao ni lông là gì? Cái hại nào là cơ bản nhất? Vì sao?

+ Tác giả đã trình bày những tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông bằng cách nào? Em có nhận xét gì về cách trình bày đó?

+ Trước những hiểm họa đó, tổ chức bảo vệ môi trường đã kêu gọi chúng ta làm gì?

+ Các biện pháp nêu trên có thể thực hiện được không? Muốn thực hiện được cần có thêm điều kiện gì? Các biện pháp ấy đã triệt để, đã giải quyết tận gốc vấn đề chưa? Vì sao?

+ Em có nhận xét gì về cách kêu gọi của tác giả?

*** Nhiệm vụ 3: Làm bài tập**

Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài.

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: ghi chép bài đầy đủ vào vở

I. ĐỌC - HIỂU CHÚ THÍCH.

1. Kiểu văn bản: nhật dụng.

2. Phương thức biểu đạt

Nghị luận kết hợp với thuyết minh.

3. Bố cục: 3 phần

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Nguyên nhân ra đời của bản thông điệp

- 22/4: Ngày trái đất (tổ chức Mĩ phát động) từ năm 1970

- Có 141 nước tham gia tổ chức này

- Năm 2000 Việt Nam tham gia ngày trái đất với chủ đề “Một ngày không dùng bao ni lông”

→ **Số liệu chính xác, cách nói dễ hiểu.**

=> **Vấn đề môi trường được cả thế giới quan tâm.**

2. Tác hại của bao bì ni lông

*** Nguyên nhân gây hại**

- Đặc tính không phân hủy của pla- xtic (cơ bản)
- Con người lạm dụng bao bì ni lông và vứt bừa bãi nơi công cộng.

*** Tác hại:**

- Ni-lông lẫn vào đất gây cản trở quá trình sinh trưởng thực vật → xói mòn đất
- Ni-lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải → gây ngập lụt
- Ni-lông bị vứt bừa bãi tạo môi trường cho muỗi phát sinh → Lây lan dịch bệnh
- Ni-lông trôi ra biển khiến các sinh vật chết khi nuốt phải.

→ **Liệt kê, phân tích, chứng cứ khoa học.**

=> **Ảnh hưởng to lớn đến con người và môi trường.**

3. Giải pháp hạn chế bao bì ni lông

- Thay đổi thói quen dùng:

- + Chỉ sử dụng khi thật cần thiết.
- + Giặt – phơi khô để dùng lại
- + Sử dụng các túi đựng thay bao ni lông như: giấy, lá,...

- Tuyên truyền tác hại:

→ Câu văn ngắn gọn, ít ngôn từ.

=> Thiết thực, gần gũi, dễ thực hiện.

4. Lời kêu gọi

- Nội dung

- + Hãy quan tâm đến Trái Đất
- + Hãy bảo vệ Trái Đất
- + Hãy cùng nhau hành động: “Một ngày không dùng bao ni lông.”

- Giọng điệu: Mạnh mẽ, vang ngân, động viên, khích lệ.

-> **Điệp từ “hãy” 3 lần → Lời kêu gọi khẩn thiết**

=> **Khích lệ mọi người cùng nhau bảo vệ Trái Đất**

III. GHI NHỚ: SGK

IV. LUYỆN TẬP

Em hãy tưởng tượng một ngày không sử dụng bao bì ni-lông môi trường xung quanh em sẽ như thế nào? Em thử đưa ra một số khẩu hiệu?

V. VẬN DỤNG

(GDKNS-GDMT) Em và gia đình đã sử dụng bao bì ni lông trong những trường hợp nào? Đã xử lý nó ra sao trong quá trình sử dụng? Sau khi học xong văn bản này bản thân em sẽ có những hành động nào hưởng ứng lời kêu gọi này?

VI. DẶN DÒ

- Học bài, hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị bài “Nói quá”

TUẦN 10

Tiết 38: Tiếng Việt

NÓI QUÁ

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

***Chú ý:** Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 101, 102, 103 và thực hiện các yêu cầu:

*** Nhiệm vụ 1: Khái niệm nói quá và tác dụng:**

- HS đọc ví dụ trong SGK/101

+ Cách nói của câu tục ngữ và ca dao có đúng sự thật không? Thực chất của cách nói này nhằm mục đích gì?

+ Nói “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng”, “Ngày tháng mười chưa cười đã tối” ngụ ý điều gì?

+ Nói “Mồ hôi thánh thoát như mưa ruộng cày” có ý là gì?

+ Vì sao lại chọn cách nói trên, có tác dụng gì?

+ Vậy theo em nói quá là gì?

*** Nhiệm vụ 2: Luyện tập**

Làm bài tập trong SGK/102,103

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý:** Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.

I. TÌM HIỂU BÀI:

*** Nói quá và tác dụng của nói quá:**

a. Ví dụ: sgk/101

a/ *chưa nằm đã sáng*

-> Đêm tháng năm rất ngắn

chưa cười đã tối

-> Ngày tháng mười rất ngắn

b/ *thánh thoát như mưa ruộng cày* -> mồ hôi đổ rất nhiều

→ Nói quá sự thật

b. Kết luận:

Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả. Nhấn mạnh, gây ấn tượng và tăng sức biểu cảm.

II. GHI NHỚ: SGK/102

III. LUYỆN TẬP

Học sinh làm bài tập bài tập 1,2,3 SGK/102,103

IV. VẬN DỤNG

- Phân biệt nói quá và nói khoác? Theo em có nên khoác không? Vì sao?

V. DẶN DÒ

- Học bài, hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị bài “Nói giảm nói tránh”

TUẦN 10

Tiết 39: Tiếng Việt

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

***Chú ý:** Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kỹ sách giáo khoa trang 107, 108, 109 và thực hiện các yêu cầu:

*** Nhiệm vụ 1:** Khái niệm nói giảm nói tránh và tác dụng:

- Học sinh đọc các ví dụ và trả lời câu hỏi:
- + Các từ in đậm trong ví dụ 1 có nghĩa là gì? Tại sao người viết, người nói lại dùng cách diễn đạt đó?
- + Em hãy giải thích vì sao tác giả dùng từ bầu sữa mà không dùng từ khác trong ví dụ 2?
- + Em hãy giải thích ý nghĩa về cách dùng từ in đậm trong ví dụ 3? (Cách nào nói tế nhị và cách nào nói nặng).
- + Vậy em hãy cho biết nói giảm nói tránh là gì? Và tác dụng?

*** Nhiệm vụ 2:** Luyện tập

Làm bài tập trong SGK/108,109

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý:** Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.

I. TÌM HIỂU BÀI:

*** Nói giảm nói tránh và tác dụng của nói giảm nói tránh:**

a. Ví dụ 1: SGK/107,108

- đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác -> **chết**
- đi -> **chết**
- chẳng còn -> **chết**
- > Cách dùng các từ trên để giảm bớt đau buồn.

*** Ví dụ 2:** SGK/108

- bầu sữa -> tránh dùng một từ ngữ có thể hơi thô và gây cười.

*** Ví dụ 3:** SGK/108

- lười lắm -> Cách nói thứ nhất hơi căng thẳng, nặng nề.

- không được chăm chỉ lắm -> *Cách nói thứ hai nhẹ nhàng tế nhị hơn.*

b. Kết luận :

Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự

II. GHI NHỚ: SGK/ 108

III. LUYỆN TẬP

Học sinh làm bài tập bài tập 1,2 SGK/108,109

IV. VẬN DỤNG

Tìm những câu ca dao tục ngữ có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh.

V. DẶN DÒ

- Học bài, hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị bài “ Ôn dịch thuốc lá”

TUẦN 10

Tiết 40+41: Văn bản

ÔN DỊCH THUỐC LÁ

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

***Chú ý:** Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 118, 119, 120, 121, 122 và thực hiện các yêu cầu:

*** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác phẩm**

- + Nêu những hiểu biết của bản thân về tác giả Nguyễn Khắc Viện?
- + Em biết gì về thuốc lá?
- + Văn bản thuộc thể loại gì?
- + Ta có thể chia văn bản thành mấy đoạn? Nội dung của mỗi đoạn?
- + Em hiểu như thế nào về nhan đề của văn bản?
- + Trong nhan đề “Ôn dịch, thuốc lá”, dấu phẩy được đặt giữa hai từ với ý nghĩa gì?

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung tác phẩm**

- + Những tin tức nào được thông báo trong phần đầu của văn bản ?
- + Trong các thông tin đó, thông tin nào được nêu thành nhan đề của văn bản ?
- + Vì sao trước khi thuyết minh về tác hại của thuốc lá tác giả dẫn lời của T.H.Đạo về việc đánh giặc?
- + Trong khói thuốc lá có những những chất gì có thể gây hại cho sức khỏe con người?
- + Bên cạnh người hút, thuốc lá còn ảnh hưởng thế nào đến người xung quanh?
- + Từ những tìm hiểu trên ta đã nhận ra điều gì về thuốc lá đối với sức khỏe?
- + Thuốc lá còn ảnh hưởng thế nào đến lối sống?
- + Với những tác hại trên chúng ta có thể nói gì về thuốc lá?
- + Để đưa ra kiến nghị chống thuốc lá tác giả đã cung cấp những nguồn thông tin gì?
- + Những thông tin đó nhằm mục đích gì?

*** Nhiệm vụ 3: Luyện tập**

Làm bài tập về nhà

Viết đoạn văn trình bày nhận thức và suy nghĩ của em về thông điệp đưa ra trong văn bản.

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.**

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. **Tác giả:** Nguyễn Khắc Viện

2. **Tác phẩm**

a. **Xuất xứ:** Trích trong cuốn “*Từ thuốc lá đến ma túy-bệnh nghiện*”

b. **Phương thức biểu đạt:**

Lập luận và thuyết minh

c. **Bố cục: 3 đoạn**

- Đoạn 1: Từ đầu ... còn nặng hơn cả AIDS

→ Nêu vấn đề về ôn dịch, thuốc lá

- Đoạn 2: Tiếp theo... con đường phạm pháp

→ Những tác hại của thuốc lá

- Đoạn 3: Phần còn lại

→ Kiến nghị về phòng chống ôn dịch, thuốc lá

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. **Thông báo về nạn dịch thuốc lá**

- Đưa ra một số vấn nạn đã xảy ra trước đó, vào cuối thế kỉ XX: dịch hạch, thổ tả, AIDS...

- Thông báo về nạn ôn dịch thuốc lá xuất hiện..

-> Ôn dịch thuốc lá đang đe dọa sức khỏe và tính mạng của con người

=> **Đây là một vấn đề nghiêm trọng mang tính chất toàn cầu**

2. **Tác hại của thuốc lá**

- Tác hại đối với cá nhân người hút thuốc

Trong khói thuốc có:

+ Hắc ín:

+ Ô-xít-các-bon:

+ Ni-cô-tin:

-> Hủy hoại nghiêm trọng sức khỏe con người, là nguyên nhân của nhiều cái chết bệnh.

- Tác hại đối với người xung quanh: người ở gần hít phải luồng khói độc bị nhiễm độc, đau tim mạch, viêm phế quản, ung thư, nhiễm độc thai gây đẻ non, sinh con suy yếu.

-> So sánh, thuyết minh

=> **Thuốc lá là thứ độc hại, hủy hoại nghiêm trọng sức khỏe của người hút lẫn người xung quanh; là nguyên nhân của nhiều cái chết bệnh đột ngột, bất ngờ.**

3. Những kiến nghị

- Nhiều nước phát triển đang chống và có hiệu quả.
- Nước ta đang nghèo.

=> **Đã đến lúc chống dịch thuốc lá.**

III. GHI NHỚ: SGK/ 122

IV. LUYỆN TẬP

Viết đoạn văn trình bày nhận thức và suy nghĩ của em về thông điệp đưa ra trong văn bản.

V. VẬN DỤNG

Em hãy đề xuất một số biện pháp để chống lại ôn dịch thuốc lá?

VI. DẶN DÒ

- Học bài, hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị: Văn bản “ Luyện nói: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm.



PHẦN THAM CHIẾU KẾT QUẢ LUYỆN TẬP

TUẦN 10

Tiết 38: Tiếng Việt

NÓI QUÁ

Bài tập 1:

a. **Cố sức người sỏi đá cũng thành cơm:** Nhấn mạnh sức lao động của con người sẽ tạo ra thành quả dù có khó khăn, gian khổ, vất vả đến đâu (K/đ niềm tin vào bàn tay lao động của con người).

b. **Đi lên đến tận trời:** ý muốn nói vết thương rất nhẹ, không ảnh hưởng gì đến sức khỏe. Nhấn mạnh sự bền lòng của người bị thương và động viên người khác để họ yên tâm.

c. **Thột ra lửa:** Gây ấn tượng về sự dữ tợn, độc ác đầy uy quyền của cụ Bá.

Bài tập 2:

a. **Chó ăn đá gà ăn sỏi:** Nơi đất đai cằn cỗi, tro trọi, khó làm ăn sinh sống

b. **Bầm gan tím ruột:** Căm thù oán ghét đến cực độ

c. *Ruột để ngoài da*: có tínhhi bộc tuệch, ớt giữ ý tứ, hay Quên, vụ tôi, vụ tínhhi

d. *Nở từng khúc ruột*: Hết sức thảo nãmh, hớn hở trong lòng

e. *Vất chân lên cổ*: rướn hết sức mà chạy

Bài tập 3:

a. Cô ấy đẹp *nghiêng nước nghiêng thành*.

b. Đoàn kết tạo nên sức mạnh có thể *dời non lấp biển*

c. Bài toán khó quá, nghĩ nát óc mà vẫn không làm ra.

TUẦN 10

Tiết 39: Tiếng Việt

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

Bài tập 1: Điền từ ngữ nói giảm nói tránh vào chỗ trống.

a. Đi nghỉ.

b. Chia tay nhau.

c. Khiếm thị.

d. Có tuổi.

e. Đi bước nữa.

Bài tập 2: Câu nào có tác dụng nói giảm nói tránh.

Các câu: a2, b2, c1, d1, e2.